

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

THÔNG TƯ

**Quy định thực hiện phát triển dự án điện gió và Hợp đồng mua bán điện
mẫu cho các dự án điện gió**

Thông tư số 02/2019/TT-BCT ngày 15 tháng 01 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định thực hiện phát triển dự án điện gió và Hợp đồng mua bán điện mẫu cho các dự án điện gió, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 28 tháng 02 năm 2019, được sửa đổi, bổ sung bởi:

Thông tư số 42/2019/TT-BCT ngày 18 tháng 12 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Công Thương sửa đổi, bổ sung một số quy định về chế độ báo cáo định kỳ tại các Thông tư do Bộ trưởng Bộ Công Thương ban hành hoặc liên tịch ban hành, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 05 tháng 02 năm 2020¹;

Thông tư số 01/2023/TT-BCT ngày 19 tháng 01 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Công Thương bãi bỏ một số quy định tại Thông tư số 02/2019/TT-BCT ngày 15 tháng 01 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định thực hiện phát triển dự án điện gió và Hợp đồng mua bán điện mẫu cho các dự án điện gió và Thông tư số 18/2020/TT-BCT ngày 17 tháng 7 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về phát triển dự án và hợp đồng mua bán điện mẫu áp dụng cho các dự án điện mặt trời, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 19 tháng 01 năm 2023.

Căn cứ Luật Điện lực số 28/2004/QH11 ngày 03 tháng 12 năm 2004; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Điện lực ngày 20 tháng 11 năm 2012;

Căn cứ Nghị định số 98/2017/NĐ-CP ngày 18 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Công Thương;

Căn cứ Quyết định số 37/2011/QĐ-TTg ngày 29 tháng 6 năm 2011 của Thủ tướng Chính phủ về cơ chế hỗ trợ phát triển các dự án điện gió tại Việt Nam và Quyết định số 39/2018/QĐ-TTg ngày 10 tháng 9 năm 2018 của Thủ tướng Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 37/2011/QĐ-TTg ngày 29 tháng 6 năm 2011 của Thủ tướng Chính phủ về cơ chế hỗ trợ phát triển các dự án điện gió tại Việt Nam;

¹ Thông tư số 42/2019/TT-BCT sửa đổi, bổ sung một số quy định về chế độ báo cáo định kỳ tại các Thông tư do Bộ trưởng Bộ Công Thương ban hành hoặc liên tịch ban hành, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 05 tháng 02 năm 2020, có căn cứ ban hành như sau:

“Căn cứ Nghị định số 98/2017/NĐ-CP ngày 18 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Công Thương;

Căn cứ Nghị định số 09/2019/NĐ-CP ngày 24 tháng 01 năm 2019 của Chính phủ quy định về chế độ báo cáo của cơ quan hành chính nhà nước;

Theo đề nghị của Chánh Văn phòng Bộ;”

*Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Điện lực và Năng lượng tái tạo,
Bộ trưởng Bộ Công Thương ban hành Thông tư quy định thực hiện phát triển dự án điện gió và Hợp đồng mua bán điện mẫu cho các dự án điện gió².*

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Thông tư này quy định về việc thực hiện phát triển dự án điện gió và Hợp đồng mua bán điện mẫu cho các dự án điện gió tại Việt Nam (*sau đây gọi là Hợp đồng mua bán điện mẫu*).

2. Thông tư này áp dụng đối với các đối tượng sau:

- a) Chủ đầu tư dự án điện gió;
- b) Đơn vị quản lý và vận hành các công trình điện gió;
- c) Bên mua điện;
- d) Các tổ chức, cá nhân khác có liên quan.

Điều 2. Giải thích từ ngữ

Trong Thông tư này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

² Thông tư số 01/2023/TT-BCT bãi bỏ một số quy định tại Thông tư số 02/2019/TT-BCT ngày 15 tháng 01 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định thực hiện phát triển dự án điện gió và Hợp đồng mua bán điện mẫu cho các dự án điện gió và Thông tư số 18/2020/TT-BCT ngày 17 tháng 7 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về phát triển dự án và hợp đồng mua bán điện mẫu áp dụng cho các dự án điện mặt trời, có căn cứ ban hành như sau:

“Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Điện lực ngày 03 tháng 12 năm 2004; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Điện lực ngày 20 tháng 11 năm 2012;

Căn cứ Luật Quy hoạch ngày 24 tháng 11 năm 2017;

Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 03/2016/QH14, Luật số 35/2018/QH14, Luật số 40/2019/QH14 và Luật số 62/2020/QH14;

Căn cứ Nghị quyết số 61/2022/QH15 của Quốc hội tiếp tục tăng cường hiệu lực, hiệu quả thực hiện chính sách, pháp luật về quy hoạch và một số giải pháp tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, đẩy nhanh tiến độ lập và nâng cao chất lượng quy hoạch thời kỳ 2021-2030;

Căn cứ Nghị định số 96/2022/NĐ-CP ngày 29 tháng 11 năm 2022 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Công Thương;

Căn cứ Nghị định số 37/2019/NĐ-CP ngày 07 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Quy hoạch;

Căn cứ Nghị định số 137/2013/NĐ-CP ngày 21 tháng 10 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Điện lực và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Điện lực;

Căn cứ Quyết định số 37/2011/QĐ-TTg ngày 29 tháng 6 năm 2011 của Thủ tướng Chính phủ về cơ chế hỗ trợ phát triển các dự án điện gió tại Việt Nam đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Quyết định số 39/2018/QĐ-TTg ngày 10 tháng 9 năm 2018 của Thủ tướng Chính phủ;

Căn cứ Quyết định số 13/2020/QĐ-TTg ngày 06 tháng 4 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ về cơ chế khuyến khích phát triển các dự án điện mặt trời tại Việt Nam;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Điện lực và Năng lượng tái tạo,”

1. *Bên mua điện* là Tập đoàn Điện lực Việt Nam hoặc đơn vị trực thuộc được ủy quyền của Tập đoàn Điện lực Việt Nam hoặc tổ chức tiếp nhận quyền và nghĩa vụ của Tập đoàn Điện lực Việt Nam theo quy định của pháp luật.

2. *Bên bán điện* là doanh nghiệp sản xuất, vận hành, kinh doanh bán điện từ các nhà máy điện gió hoặc tổ chức tiếp nhận quyền và nghĩa vụ sản xuất, vận hành, kinh doanh bán điện của doanh nghiệp theo quy định của pháp luật.

3. *Tổ hợp đồng bộ của tua bin điện gió* bao gồm máy phát điện, bộ chuyển đổi, cánh quạt, cột tháp, máy biến áp đồng bộ, dây dẫn đấu nối và thiết bị, kết cấu khác phục vụ sản xuất điện từ sức gió. Phần móng cột tháp, trạm biến áp, hào cáp và các công trình xây dựng liên quan không phải là tổ hợp đồng bộ của tua bin điện gió.

4. *Tua bin điện gió trong đất liền* là các tua bin có vị trí tâm của móng tua bin được xây dựng trên đất liền và vùng đất ven biển có ranh giới từ đường mép nước biển thấp nhất trung bình trong nhiều năm trở vào. Đường mép nước biển thấp nhất trung bình trong nhiều năm được xác định và công bố theo quy định tại Nghị định 40/2016/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên, môi trường biển và hải đảo hoặc quy định của pháp luật về tài nguyên, môi trường biển và hải đảo được sửa đổi, bổ sung, thay thế.

5. *Tua bin điện gió trên biển* là các tua bin có vị trí tâm của móng tua bin được xây dựng nằm ngoài đường mép nước biển thấp nhất trung bình trong nhiều năm ra ngoài khơi. Đường mép nước biển thấp nhất trung bình trong nhiều năm được xác định và công bố theo Khoản 4 Điều này.

6. *Diện tích đất cho khảo sát, nghiên cứu đầu tư dự án điện gió* là phần diện tích giới hạn trong ranh giới địa lý được Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương quy định tại văn bản chấp thuận cho nhà đầu tư thực hiện khảo sát, nghiên cứu đánh giá tiềm năng gió để lập dự án đầu tư điện gió trong một thời hạn cho phép. Diện tích này chỉ được phép sử dụng cho các hoạt động khảo sát, nghiên cứu như xây dựng cột đo gió, khảo sát địa chất, địa hình.

7. *Diện tích sử dụng đất có thời hạn của dự án điện gió* là tổng diện tích của móng trụ tua bin gió bao gồm cả diện tích bảo vệ móng, diện tích đặt các thiết bị đồng bộ tại chân cột điện gió; các đường cáp ngầm đấu nối điện gió, chân cột đường dây trên không đấu nối điện; các trạm biến áp; diện tích xây dựng hệ thống đường giao thông nội bộ và nhà quản lý điều hành. Diện tích sử dụng đất có thời hạn được cơ quan có thẩm quyền giao cho chủ đầu tư dự án trong toàn bộ đời dự án.

8. *Diện tích sử dụng đất tạm thời của dự án điện gió* là phần diện tích Chủ đầu tư được phép sử dụng tạm thời cho việc thi công dự án điện gió, bao gồm: đường tạm phục vụ thi công, bãi tập kết vật tư thiết bị, khu vực thi công, lán trại tạm công nhân và các địa điểm phụ trợ khác. Sau khi hoàn thành công trình đưa vào sử dụng, phần diện tích sử dụng đất tạm thời không thuộc phần diện tích sử

dụng đất có thời hạn sẽ được cơ quan có thẩm quyền thu hồi để sử dụng cho các mục đích khác.

9. *Hành lang an toàn công trình điện gió* là hành lang an toàn của cột tháp gió, đường dây truyền tải điện, trạm biến áp và các hạng mục phụ trợ.

10. *Hành lang an toàn của cột tháp gió* là nửa hình cầu, có tâm là tâm của chân cột tháp gió, bán kính bằng chiều cao cột tháp gió cộng với bán kính cánh quạt tua bin.

11. *Tiêu chuẩn IEC* là tiêu chuẩn kỹ thuật điện do Ủy ban kỹ thuật điện quốc tế ban hành.

Chương II

PHÁT TRIỂN DỰ ÁN ĐIỆN GIÓ

Điều 3. Quy hoạch và danh mục phát triển các dự án điện gió

1. Phát triển các dự án điện gió được thực hiện theo Quy hoạch phát triển điện lực trong đó xác định tiềm năng và khu vực phát triển điện gió cho từng địa bàn. Các dự án điện gió chưa có trong quy hoạch phải được thực hiện thẩm định, trình cấp có thẩm quyền phê duyệt, bổ sung vào Quy hoạch phát triển điện lực.

2. Các dự án đã có trong quy hoạch phát triển điện lực các cấp và quy hoạch phát triển điện gió cấp tỉnh đã phê duyệt được thực hiện theo quy định về chuyển tiếp tại Điểm c Khoản 1 và Khoản 3 Điều 59 của Luật Quy hoạch.

3.³ (được bãi bỏ)

4. Khi phát triển các dự án điện gió được phê duyệt danh mục trong quy hoạch phát triển điện gió tỉnh giai đoạn 2011 - 2020, UBND tỉnh phải cập nhật quy hoạch đấu nối dự án điện gió vào hệ thống điện để đảm bảo truyền tải công suất dự án và khả năng hấp thụ hệ thống điện khu vực dự án. Trường hợp phương án đấu nối dự án thay đổi, UBND tỉnh báo cáo Bộ Công Thương để thẩm định, phê duyệt hoặc trình phê duyệt phương án đấu nối điều chỉnh của dự án điện gió theo thẩm quyền.

Điều 4.⁴ (được bãi bỏ)

Điều 5. Yêu cầu về đo gió

³ Khoản này được bãi bỏ theo quy định tại khoản 1 Điều 1 của Thông tư số 01/2023/TT-BCT bãi bỏ một số quy định tại Thông tư số 02/2019/TT-BCT ngày 15 tháng 01 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định thực hiện phát triển dự án điện gió và Hợp đồng mua bán điện mẫu cho các dự án điện gió và Thông tư số 18/2020/TT-BCT ngày 17 tháng 7 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về phát triển dự án và hợp đồng mua bán điện mẫu áp dụng cho các dự án điện mặt trời, có hiệu lực kể từ ngày 19 tháng 01 năm 2023.

⁴ Điều này được bãi bỏ theo quy định tại khoản 2 Điều 1 của Thông tư số 01/2023/TT-BCT bãi bỏ một số quy định tại Thông tư số 02/2019/TT-BCT ngày 15 tháng 01 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định thực hiện phát triển dự án điện gió và Hợp đồng mua bán điện mẫu cho các dự án điện gió và Thông tư số 18/2020/TT-BCT ngày 17 tháng 7 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về phát triển dự án và hợp đồng mua bán điện mẫu áp dụng cho các dự án điện mặt trời, có hiệu lực kể từ ngày 19 tháng 01 năm 2023.

Dự án điện gió phải có báo cáo kết quả đo gió tại khu vực dự án trước khi lập và phê duyệt báo cáo nghiên cứu khả thi. Việc đo gió được thực hiện trong thời gian tối thiểu là mười hai (12) tháng liên tục tại các vị trí có tính đại diện, số lượng cột đo gió đảm bảo phù hợp với sự biến đổi địa hình khu vực dự án. Phương pháp đo gió, thiết bị đo và kết quả đo gió phù hợp tiêu chuẩn IEC hoặc tiêu chuẩn quốc tế tương đương.

Điều 6. Báo cáo nghiên cứu khả thi dự án điện gió

Báo cáo nghiên cứu khả thi dự án điện gió theo quy định của pháp luật về quản lý đầu tư xây dựng và những nội dung chính sau:

1. Kết quả đo gió theo quy định tại Điều 5 của Thông tư này.
2. Vị trí, tọa độ góc; diện tích sử dụng đất có thời hạn và diện tích sử dụng đất tạm thời; diện tích khu vực biển (nếu có vị trí trên biển) của dự án điện gió.
3. Phương án đấu nối, đánh giá ảnh hưởng của phương án đấu nối dự án điện gió đối với hệ thống điện khu vực và khả năng giải tỏa công suất dự án.
4. Kế hoạch và phương án kỹ thuật, chi phí phục vụ tháo dỡ và xử lý thiết bị nhà máy điện gió sau khi kết thúc dự án.
5. Thỏa thuận đấu nối lưới điện; Văn bản thỏa thuận của cấp có thẩm quyền về vị trí dự án; hướng tuyến công trình; diện tích sử dụng đất (đối với dự án trong đất liền); diện tích sử dụng tài nguyên và khu vực biển (đối với dự án trên biển); quy hoạch tổng mặt bằng dự án; Văn bản xác nhận của cơ quan có thẩm quyền về vị trí của các tua bin điện gió trên biển (đối với dự án có tua bin trên biển); Văn bản về chấp thuận độ cao tĩnh không của cơ quan có thẩm quyền.

Điều 7.⁵ (được bãi bỏ)

Điều 8. Nghiệm thu hoàn thành công trình điện gió

1. Công trình hoặc hạng mục công trình được đưa vào sử dụng sau khi đã được nghiệm thu và kiểm tra công tác nghiệm thu theo quy định hiện hành.
2. Cục Điện lực và Năng lượng tái tạo chủ trì tổ chức kiểm tra công tác nghiệm thu đối với các công trình điện gió được phân cấp kiểm tra công tác nghiệm thu theo thẩm quyền của Bộ Công Thương.
3. Sở Công Thương và đơn vị được ủy quyền chủ trì tổ chức kiểm tra công tác nghiệm thu đối với các công trình điện gió được phân cấp kiểm tra công tác nghiệm thu theo thẩm quyền của Sở Công Thương theo quy định hiện hành.

Điều 9. Chế độ báo cáo và quản lý vận hành

⁵ Điều này được bãi bỏ theo quy định tại khoản 2 Điều 1 của Thông tư số 01/2023/TT-BCT bãi bỏ một số quy định tại Thông tư số 02/2019/TT-BCT ngày 15 tháng 01 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định thực hiện phát triển dự án điện gió và Hợp đồng mua bán điện mẫu cho các dự án điện gió và Thông tư số 18/2020/TT-BCT ngày 17 tháng 7 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về phát triển dự án và hợp đồng mua bán điện mẫu áp dụng cho các dự án điện mặt trời, có hiệu lực kể từ ngày 19 tháng 01 năm 2023.

1. Trong vòng 10 ngày làm việc kể từ ngày cấp Quyết định chủ trương đầu tư và Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, UBND tỉnh có trách nhiệm gửi bản sao Quyết định chủ trương đầu tư và Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đã được chứng thực về Cục Điện lực và Năng lượng tái tạo để theo dõi quản lý.

2.⁶ (được bãi bỏ)

3.⁷ Hằng năm, trước ngày 15 tháng 01 và ngày 15 tháng 7, UBND tỉnh có các dự án điện gió báo cáo bằng văn bản gửi qua dịch vụ bưu chính đến Bộ Công Thương (Cục Điện lực và Năng lượng tái tạo) định kỳ 6 tháng liên tục về hoạt động đăng ký đầu tư, tình hình triển khai thực hiện dự án trên địa bàn tỉnh để theo dõi và quản lý. Mẫu báo cáo quy định tại Phụ lục 1 của Thông tư này.

4. Sau khi dự án điện gió được hoàn thành đưa vào vận hành thương mại, chủ đầu tư phải tuân thủ các quy định hiện hành về quản lý vận hành các công trình điện và bảo vệ môi trường.

Điều 10. Trang thiết bị của dự án điện gió

1. Thiết bị công trình điện gió phải đảm bảo đáp ứng tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật Việt Nam hoặc tiêu chuẩn quốc tế IEC hoặc các tiêu chuẩn tương đương.

2. Thiết bị công trình điện gió phải là thiết bị chưa qua sử dụng, có thời gian xuất xưởng không quá năm (05) năm, có Giấy chứng nhận xuất xứ và Giấy chứng nhận sản xuất phù hợp. Trường hợp sử dụng thiết bị công trình điện gió đã qua sử dụng, hoặc có thời hạn xuất xưởng quá 5 năm phải báo cáo Bộ Công Thương phối hợp với các cơ quan có liên quan xem xét, quyết định.

Điều 11. An toàn công trình

1. Phạm vi công trình điện gió bao gồm khu vực các cột tháp gió, đường dây truyền tải điện, trạm biến áp và các hạng mục phụ trợ khác. Hành lang an toàn công trình điện gió, hành lang an toàn đường dây và trạm biến áp phải tuân thủ theo tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật trang thiết bị điện, quy định về bảo vệ an toàn công trình lưới điện cao áp và các quy định pháp luật về an toàn công trình điện.

2. Công trình điện gió phải nằm cách xa khu dân cư ít nhất 300 m.

3. Tua bin và cột tháp điện gió phải có màu sáng, không phản quang.

Điều 12. Diện tích sử dụng đất

⁶ Khoản này được bãi bỏ theo quy định tại khoản 3 Điều 1 của Thông tư số 01/2023/TT-BCT bãi bỏ một số quy định tại Thông tư số 02/2019/TT-BCT ngày 15 tháng 01 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định thực hiện phát triển dự án điện gió và Hợp đồng mua bán điện mẫu cho các dự án điện gió và Thông tư số 18/2020/TT-BCT ngày 17 tháng 7 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về phát triển dự án và hợp đồng mua bán điện mẫu áp dụng cho các dự án điện mặt trời, có hiệu lực kể từ ngày 19 tháng 01 năm 2023.

⁷ Khoản này được sửa đổi theo quy định tại Điều 32 của Thông tư số 42/2019/TT-BCT sửa đổi, bổ sung một số quy định về chế độ báo cáo định kỳ tại các Thông tư do Bộ trưởng Bộ Công Thương ban hành hoặc liên tịch ban hành, có hiệu lực kể từ ngày 05 tháng 02 năm 2020.

1. Đất sử dụng trong quá trình phát triển dự án điện gió bao gồm: diện tích đất cho khảo sát, nghiên cứu đầu tư dự án điện gió; diện tích sử dụng đất có thời hạn của dự án điện gió; diện tích sử dụng đất tạm thời của dự án điện gió.

2. Diện tích đất sử dụng đất cho dự án điện gió phải phù hợp với quy mô công suất công trình. Suất sử dụng đất có thời hạn của dự án điện gió không quá không phải ba lăm (0,35) ha/MW. Diện tích sử dụng đất tạm thời của dự án điện gió không quá không phải ba (0,3 ha/MW).

Điều 13. Quản lý sử dụng đất trong khu vực công trình điện gió

1. Đất sử dụng có thời hạn của dự án điện gió phải đảm bảo phù hợp với quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất và không chồng lấn với các quy hoạch khác đã được cơ quan thẩm quyền phê duyệt.

2. Ưu tiên phát triển công trình điện gió ở các vị trí đất khô cằn, sỏi đá, ít có giá trị nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản, dân cư thưa thớt hoặc không có người sinh sống.

3. Sau khi công trình điện gió đi vào vận hành, chủ đầu tư phải phục hồi nguyên trạng diện tích chiếm dụng tạm thời và bàn giao cho chính quyền địa phương quản lý.

4. UBND tỉnh có thể cho phép sử dụng đất tại khu vực dự án điện gió cho các mục đích phù hợp (trồng trọt, canh tác nhỏ) và phải đảm bảo an toàn cho việc vận hành các công trình điện gió.

Chương III

HỢP ĐỒNG MUA BÁN ĐIỆN MẪU CHO CÁC DỰ ÁN ĐIỆN GIÓ NỔI LƯỚI

Điều 14. Áp dụng giá điện gió đối với dự án điện gió

Trường hợp dự án điện gió nổi lưới bao gồm cả tua bin điện gió trong đất liền và tua bin điện gió trên biển, Bên bán điện có trách nhiệm thống nhất với Bên mua điện phương án lắp đặt công tơ và cách đo đếm, tính toán sản lượng điện riêng biệt của các tua bin trong đất liền và trên biển để làm cơ sở áp dụng giá mua bán điện phù hợp.

Điều 15. Áp dụng Hợp đồng mua bán điện mẫu cho các dự án điện gió

1. Việc sử dụng Hợp đồng mua bán điện mẫu cho các dự án điện gió là bắt buộc trong mua bán điện giữa Bên bán điện và Bên mua điện.

2. Chỉ áp dụng Hợp đồng mua bán điện mẫu đối với phần điện năng được sản xuất từ nguồn năng lượng gió.

3. Nội dung Hợp đồng mua bán điện mẫu cho các dự án điện gió quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Thông tư này.

4. Bên bán điện và Bên mua điện chỉ được bổ sung nội dung của Hợp đồng mua bán điện mẫu để làm rõ trách nhiệm, quyền hạn của các bên mà không được làm thay đổi nội dung cơ bản của Hợp đồng mua bán điện mẫu.

Điều 16. Trình tự, thủ tục ký kết Hợp đồng mua bán điện mẫu cho các dự án điện gió

1. Trình tự đề nghị ký Hợp đồng mua bán điện gió

a) Chủ đầu tư dự án nhà máy điện gió có trách nhiệm lập hồ sơ đề nghị ký hợp đồng mua bán điện gửi Bên mua điện để thực hiện các thủ tục thẩm định, phê duyệt để ký hợp đồng mua bán điện.

b) Trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đề nghị ký hợp đồng mua bán điện hợp lệ của chủ đầu tư, Bên mua điện có trách nhiệm tổ chức rà soát hợp đồng mua bán điện và ký Hợp đồng mua bán điện với Bên bán điện.

2. Hồ sơ đề nghị ký kết hợp đồng mua bán điện

a) Công văn đề nghị ký kết hợp đồng mua bán điện của Bên bán điện;

b) Văn bản pháp lý của dự án, bao gồm: Quyết định phê duyệt của cấp có thẩm quyền về quy hoạch nguồn và lưới điện; Quyết định chủ trương đầu tư hoặc Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư; Quyết định phê duyệt dự án đầu tư;

c) Dự thảo Hợp đồng mua bán điện theo mẫu quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư này;

d) Thỏa thuận đấu nối nhà máy điện vào hệ thống điện quốc gia kèm theo phương án đấu nối của nhà máy điện; Thỏa thuận SCADA/EMS và hệ thống thông tin điều độ; Thỏa thuận hệ thống rơ le bảo vệ và tự động;

đ) Tài liệu tính toán tổn thất công suất và điện năng của máy biến áp, đường dây truyền tải từ nhà máy điện đến điểm đấu nối với hệ thống điện quốc gia và tài liệu tính toán điện tự dùng trong nhà máy điện.

Chương IV

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 17. Tổ chức thực hiện

1. Cục Điện lực và Năng lượng tái tạo có trách nhiệm:

a) Phổ biến, hướng dẫn và kiểm tra việc thực hiện Thông tư này. Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc, Cục Điện lực và Năng lượng tái tạo phối hợp với các đơn vị, địa phương có liên quan xem xét và đề xuất Bộ trưởng Bộ Công Thương sửa đổi, bổ sung Thông tư.

b) Tổ chức đánh giá tiềm năng điện gió lý thuyết, tiềm năng điện gió kỹ thuật và tiềm năng điện gió kinh tế trên phạm vi cả nước, xác định phân bố tiềm năng theo vùng để đưa vào cơ sở dữ liệu phục vụ xây dựng nội dung về quy hoạch phát triển các dự án điện gió trong quy hoạch phát triển điện lực.

c)⁸ (*được bãi bỏ*)

⁸ Điểm này được bãi bỏ theo quy định tại khoản 4 Điều 1 của Thông tư số 01/2023/TT-BCT bãi bỏ một số quy định tại Thông tư số 02/2019/TT-BCT ngày 15 tháng 01 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Công

2. Cục Công nghiệp chủ trì nghiên cứu và đề xuất quy định về cơ chế khuyến khích phát triển sản xuất thiết bị công trình điện gió trong nước, nâng cao tỷ lệ nội địa hóa trong dự án điện gió báo cáo Bộ trưởng Bộ Công Thương trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định.

3. UBND tỉnh:

a) Theo dõi, giám sát, kiểm tra và báo cáo hoạt động phát triển các dự án điện gió tại địa phương theo quy hoạch phát triển điện lực được phê duyệt, phù hợp với các quy định tại Thông tư này.

b) Phối hợp với Bộ Công Thương xác định khu vực phát triển điện gió tại địa phương đảm bảo phù hợp quy hoạch sử dụng đất, quy hoạch không gian biển quốc gia và các quy hoạch có tính chất kỹ thuật, chuyên ngành.

Điều 18. Quy định về chuyển tiếp

Các dự án điện gió đã vận hành phát điện trước ngày 01 tháng 11 năm 2018 được ký lại Hợp đồng mua bán điện với Bên mua điện để được áp dụng giá mua bán điện quy định tại Khoản 7 Điều 1 Quyết định số 39/2018/QĐ-TTg kể từ ngày 01 tháng 11 năm 2018 đến hết thời hạn còn lại của Hợp đồng mua bán điện đã ký.

Điều 19. Hiệu lực thi hành

Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 28 tháng 02 năm 2019. Các Thông tư số 32/2012/TT-BCT ngày 12 tháng 11 năm 2012 của Bộ Công Thương về quy định thực hiện phát triển dự án điện gió và Hợp đồng mua bán điện mẫu cho các dự án điện gió và Thông tư số 06/2013/TT-BCT ngày 08 tháng 3 năm 2013 của Bộ Công Thương về nội dung, trình tự, thủ tục lập, thẩm định và phê duyệt quy hoạch phát triển điện gió hết hiệu lực từ ngày hiệu lực của Thông tư này./.

BỘ CÔNG THƯƠNG

Số: 06 /VBHN-BCT

XÁC THỰC VĂN BẢN HỢP NHẤT

Hà Nội, ngày 21 tháng 02 năm 2023

Nơi nhận:

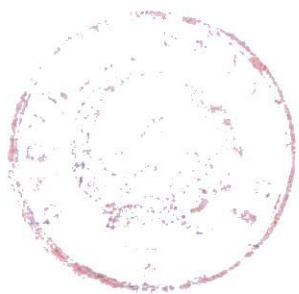
- Văn phòng Chính phủ (để đăng Công báo);
- Bộ Tư pháp (để theo dõi);
- Bộ trưởng (để báo cáo);
- Văn phòng Bộ (để đăng website Bộ Công Thương);
- Vụ Pháp chế (để đăng tải trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về quản lý văn bản);
- Lưu: VT, ĐL.

KT. BỘ TRƯỞNG
THỦ TRƯỞNG



Đặng Hoàng An

Thương quy định thực hiện phát triển dự án điện gió và Hợp đồng mua bán điện mẫu cho các dự án điện gió và Thông tư số 18/2020/TT-BCT ngày 17 tháng 7 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về phát triển dự án và hợp đồng mua bán điện mẫu áp dụng cho các dự án điện mặt trời, có hiệu lực kể từ ngày 19 tháng 01 năm 2023.



PHỤ LỤC 1

MẪU BÁO CÁO ĐỊNH KỲ VỀ HOẠT ĐỘNG ĐĂNG KÝ ĐẦU TƯ VÀ TÌNH HÌNH TRIỂN KHAI THỰC HIỆN DỰ ÁN ĐIỆN GIÓ TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH
(Ban hành kèm theo Thông tư số 02/2019/TT-BCT ngày 15 tháng 01 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Công Thương)

UBND TỈNH....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:...../BC-.....

....., ngày tháng năm 20....

BÁO CÁO

Hoạt động đăng ký đầu tư và tình hình triển khai thực hiện dự án điện gió trên địa bàn tỉnh

Kính gửi: Bộ Công Thương (Cục Điện lực và NLTT)

1. Tình hình đăng ký, tiến độ triển khai các dự án trên địa bàn Tỉnh

1.1. Các dự án đang triển khai trong quy hoạch phát triển điện lực: Thông tin tổng hợp

1.2. Các dự án đã được phê duyệt chủ trương đầu tư: Thông tin tổng hợp

1.3. Các dự án đăng ký triển khai: Thông tin tổng hợp

Biểu tổng hợp tình hình đăng ký, triển khai các dự án điện gió (gửi kèm Báo cáo)

2. Tiến độ thực hiện của các dự án điện gió

Tên dự án thứ nhất:

Chủ đầu tư dự án:

Giấy phép đầu tư số ngày.... /...../

Hợp đồng mua bán điện số ngày...../...../.....với Tổng công ty Điện lực....

Công suất giai đoạn 1:

Công suất giai đoạn 2:

Thời điểm vào vận hành giai đoạn 1:

Thời điểm vào vận hành giai đoạn 2:

Báo cáo tiến độ: (cần được đánh giá và cập nhật theo tình hình triển khai thực tế)

- Lập và phê duyệt dự án đầu tư
- Lập và phê duyệt TKKT/TKBVTC
- Giải phóng mặt bằng
- Đấu thầu xây lắp và mua sắm thiết bị
- Thi công hạ tầng cơ sở

- Nghiệm thu, vận hành

Dự kiến tiến độ các hoạt động chính:

- Công tác đấu thầu, mua sắm thiết bị
- Công tác thi công hạ tầng cơ sở
- Lắp đặt thiết bị
- Nghiệm thu, vận hành chạy thử

3. Tồn tại và kiến nghị

BIỂU TỔNG HỢP TÌNH HÌNH ĐĂNG KÝ, TRIỂN KHAI CÁC DỰ ÁN ĐIỆN GIÓ

TT	Tên dự án/cột đo gió	Vị trí	Chủ đầu tư	Tổng công suất lắp đặt (MW)	Diện tích (ha)	Tổng mức đầu tư (tỷ đồng)	Đấu nối			Hiện trạng dự án (Vận hành, FS, Pre F/S)	Dự kiến năm vận hành	Tọa độ dự án (ghi rõ hệ tọa độ, múi chiếu, vãng)	Sản lượng điện phát (kWh/năm)
							TBA	ĐZ	Vị trí đấu nối				
I	Tên dự án												
1	Nhà máy điện gió Tuy Phong	Huyện Tuy Phong, Bình Thuận	REVN	30	500	1500	1x63 MVA	ĐZ 110kV mạch kép AC240, dài 3,5km	TC110 của TBA 110kV Tuy Phong	2009	Ví dụ: Hệ tọa độ địa lý Latitude/Longitude: 9.256261oN; 105.821856oE. hoặc VN2000 múi chiếu 3 hoặc 6 độ, hoặc hệ tọa độ UTM WGS84 vùng 48 hoặc 49: 590272:1023288.		
2													
Tổng cộng:				30,00	500,0								
II	Cột đo gió	Vị trí	Chủ đầu tư	Độ cao đo (m)	Thời gian đo (từ tháng/năm đến tháng/năm)						Tọa độ cột đo gió (ghi rõ hệ tọa độ, múi chiếu, vãng)		
1	Nhà máy điện gió X	Thôn A, Xã B, huyện C, tỉnh D	Công ty X	Ví dụ đo ở 3 độ cao: 80m, 60m, 40m	10/12/2010	5/21/2012							
2													
Tổng cộng:													

Địa chỉ liên hệ: Cục Điện lực và Năng lượng tái tạo, 23 Ngô Quyền, Hà Nội

PHỤ LỤC 2

HỢP ĐỒNG MUA BÁN ĐIỆN MẪU ÁP DỤNG CHO CÁC DỰ ÁN ĐIỆN GIÓ
*(Ban hành kèm theo Thông tư số 02/2019/TT-BCT ngày 15 tháng 01 năm 2019
của Bộ Công Thương)*

HỢP ĐỒNG MUA BÁN ĐIỆN MẪU CHO DỰ ÁN PHÁT ĐIỆN GIÓ

CHO

DỰ ÁN ĐIỆN GIÓ (Ghi tên)

GIỮA

[TÊN BÊN BÁN ĐIỆN]

với tư cách là "Bên bán điện"

và

[TÊN BÊN MUA ĐIỆN]

với tư cách là "Bên mua điện"

MỤC LỤC

Điều 1. Định nghĩa

Điều 2. Giao nhận, mua bán điện

Điều 3. Đấu nối, đo đếm

Điều 4. Vận hành nhà máy điện

Điều 5. Lập hóa đơn và thanh toán

Điều 6. Trường hợp bất khả kháng

Điều 7. Thời hạn hợp đồng

Điều 8. Vi phạm hợp đồng, bồi thường thiệt hại và chấm dứt thực hiện hợp đồng

Điều 9. Giải quyết tranh chấp

Điều 10. Ủy thác, chuyển nhượng và tái cơ cấu

Điều 11. Các thỏa thuận khác

Điều 12. Cam kết thực hiện

PHỤ LỤC A Thỏa thuận đấu nối hệ thống

PHỤ LỤC B Thông số kỹ thuật của nhà máy điện

PHỤ LỤC C Hệ thống đo đếm và thu thập số liệu

PHỤ LỤC D Yêu cầu trước ngày vận hành thương mại

PHỤ LỤC E Tiền điện thanh toán

PHỤ LỤC G Các thỏa thuận khác

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

HỢP ĐỒNG MUA BÁN ĐIỆN

Căn cứ Luật Điện lực ngày 03 tháng 12 năm 2004; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Điện lực ngày 20 tháng 11 năm 2012;

Căn cứ Luật Thương mại ngày 14 tháng 6 năm 2005;

Căn cứ Quyết định số 37/2011/QĐ-TTg ngày 29 tháng 06 năm 2011 của Thủ tướng Chính phủ về cơ chế hỗ trợ phát triển các dự án điện gió tại Việt Nam và Quyết định số 39/2018/QĐ-TTg ngày 10 tháng 9 năm 2018 của Thủ tướng Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 37/2011/QĐ-TTg;

Căn cứ Thông tư số /2019/TT-BCT ngày tháng năm 2019 của Bộ Công Thương quy định thực hiện phát triển dự án và Hợp đồng mua bán điện mẫu cho các dự án điện gió;

Căn cứ nhu cầu mua, bán điện của Các bên,

Hôm nay, ngày tháng năm, tại

Chúng tôi gồm:

Bên bán điện:

Địa chỉ:

Điện thoại: Fax:

Mã số thuế:

Tài khoản: Ngân hàng

Đại diện:

Chức vụ:

(Được sự ủy quyền của.....theo văn bản ủy quyền số, ngày tháng năm)

(sau đây gọi là “**Bên bán điện**”); và

Bên mua điện:

Địa chỉ:

Điện thoại: Fax:

Mã số thuế:

Tài khoản: Ngân hàng

Đại diện:

Chức vụ:

(Được sự ủy quyền của.....theo văn bản ủy quyền số, ngày tháng năm....)

(sau đây gọi là “**Bên mua điện**”).

Cùng nhau thỏa thuận ký Hợp đồng mua bán điện để mua, bán điện được sản xuất từ Nhà máy Điện gió [Tên dự án], có tổng công suất lắp đặt là [Công suất dự án] do Bên bán điện đầu tư xây dựng và vận hành tại [Địa điểm xây dựng dự án] với những điều khoản và điều kiện dưới đây:

Điều 1. Định nghĩa

Trong Hợp đồng này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. Bên hoặc các bên là Bên bán điện, Bên mua điện hoặc cả hai bên hoặc đơn vị tiếp nhận các quyền và nghĩa vụ của một bên hoặc các bên trong Hợp đồng này.

2. Điểm đấu nối là vị trí mà đường dây của Bên bán điện đấu nối vào hệ thống điện của Bên mua điện được thỏa thuận tại Phụ lục A của Hợp đồng này.

3. Điểm giao nhận điện là điểm đặt thiết bị đo đếm sản lượng điện bán ra của Bên bán điện.

4. Điện năng mua bán là điện năng tính bằng kWh của nhà máy điện phát ra đã trừ đi lượng điện năng cần thiết cho tự dùng và tổn thất của nhà máy điện tại Điểm giao nhận điện, được Bên bán điện đồng ý bán và giao cho Bên mua điện hàng năm, theo quy định trong Phụ lục B của Hợp đồng này.

5. Hợp đồng bao gồm văn bản này và các Phụ lục kèm theo.

6. Lãi suất giao dịch bình quân liên ngân hàng là lãi suất giao dịch bình quân liên ngân hàng kỳ hạn 01 (một) tháng được Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố tại thời điểm thanh toán.

7. Năm hợp đồng là năm được tính theo năm dương lịch 12 (mười hai) tháng tính từ ngày đầu tiên của tháng 01 (một) và kết thúc vào ngày cuối cùng của tháng 12 (mười hai) năm đó. Năm hợp đồng đầu tiên được tính bắt đầu từ ngày vận hành thương mại và kết thúc vào ngày cuối cùng của tháng 12 (mười hai) của năm đó. Năm hợp đồng cuối cùng được tính bắt đầu từ ngày đầu tiên của tháng 01 (một) và kết thúc vào ngày cuối cùng của thời hạn Hợp đồng.

8. Ngày đến hạn thanh toán là ngày cuối cùng của thời hạn thanh toán kể từ ngày Bên mua điện nhận được Hóa đơn thanh toán hợp lệ và chính xác của Bên bán điện quy định tại mục d, khoản 2, Điều 5 Hợp đồng này.

9. Ngày vận hành thương mại là ngày một phần hoặc toàn bộ nhà máy điện gió nối lưới sẵn sàng bán điện cho Bên mua điện và thỏa mãn các điều kiện sau: (i) Hoàn thành các thử nghiệm ban đầu đối với một phần hoặc toàn bộ nhà máy điện gió và các trang thiết bị đấu nối; (ii) Nhà máy điện gió nối lưới đã được cấp giấy phép hoạt động điện lực trong lĩnh vực phát điện và (iii) Bên bán điện và Bên mua điện chốt chỉ số công tơ để bắt đầu thanh toán. Thử nghiệm ban đầu gồm: (i) Thử nghiệm khả năng phát/nhận công suất phản kháng; (ii) Thử nghiệm kết nối AGC; (iii) Thử nghiệm tin cậy.

10. Nhà máy điện bao gồm tất cả các thiết bị phát điện, thiết bị bảo vệ, thiết bị đấu nối và các thiết bị phụ trợ có liên quan; đất sử dụng cho công trình điện lực và công trình phụ trợ để sản xuất điện năng theo Hợp đồng này của Bên bán điện.

11. Ngày làm việc được hiểu là các ngày theo dương lịch, trừ ngày Thứ Bảy, Chủ nhật, ngày nghỉ Lễ, Tết theo quy định của pháp luật.

12. Tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật ngành điện là những quy định, tiêu chuẩn, thông lệ được áp dụng trong ngành điện do các tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam ban hành hoặc các quy định, tiêu chuẩn của các tổ chức quốc tế, các nước trong vùng ban hành phù hợp với quy định pháp luật, khuyến nghị của nhà sản xuất thiết bị, có tính đến điều kiện vật tư, nguồn lực, nhiên liệu, kỹ thuật chấp nhận được đối với ngành điện Việt Nam tại thời điểm nhất định.

13. Quy định về vận hành hệ thống điện quốc gia là các văn bản quy phạm pháp luật, Quy trình quy định tiêu chuẩn vận hành hệ thống điện, điều kiện và thủ tục đấu nối vào lưới điện, điều độ vận hành hệ thống điện, đo đếm điện năng trong hệ thống truyền tải và phân phối điện.

14. Trường hợp khẩn cấp là tình huống có thể gây gián đoạn dịch vụ cung cấp điện cho khách hàng của Bên mua điện, bao gồm các trường hợp có thể gây ra hỏng hóc lớn trong hệ thống điện quốc gia, có thể đe dọa đến tính mạng, tài sản hoặc làm ảnh hưởng đến khả năng kỹ thuật của nhà máy điện.

Điều 2. Giao nhận, mua bán điện

1. Giao nhận điện

Kể từ ngày vận hành thương mại, Bên bán điện đồng ý giao và bán điện năng cho Bên mua điện, Bên mua điện đồng ý mua điện năng của Bên bán điện theo quy định của Hợp đồng này.

2. Giá mua bán điện

2.1⁹ (được bãi bỏ)

2.2¹⁰ (được bãi bỏ)

2.3 Tiền điện thanh toán: Phương pháp xác định tiền điện thanh toán hàng tháng đối với Nhà máy điện được quy định theo Phụ lục E của Hợp đồng này.

3. Mua bán điện

⁹ Nội dung này được bãi bỏ theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 1 của Thông tư số 01/2023/TT-BCT bãi bỏ một số quy định tại Thông tư số 02/2019/TT-BCT ngày 15 tháng 01 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định thực hiện phát triển dự án điện gió và Hợp đồng mua bán điện mẫu cho các dự án điện gió và Thông tư số 18/2020/TT-BCT ngày 17 tháng 7 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về phát triển dự án và hợp đồng mua bán điện mẫu áp dụng cho các dự án điện mặt trời, có hiệu lực kể từ ngày 19 tháng 01 năm 2023.

¹⁰ Nội dung này được bãi bỏ theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 1 của Thông tư số 01/2023/TT-BCT bãi bỏ một số quy định tại Thông tư số 02/2019/TT-BCT ngày 15 tháng 01 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định thực hiện phát triển dự án điện gió và Hợp đồng mua bán điện mẫu cho các dự án điện gió và Thông tư số 18/2020/TT-BCT ngày 17 tháng 7 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về phát triển dự án và hợp đồng mua bán điện mẫu áp dụng cho các dự án điện mặt trời, có hiệu lực kể từ ngày 19 tháng 01 năm 2023.

Bên bán điện đồng ý vận hành nhà máy điện với công suất khả dụng của thiết bị và phù hợp với tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật ngành điện. Bên bán điện không phải chịu trách nhiệm pháp lý đối với thiệt hại trực tiếp của Bên mua điện do Bên bán điện không cung cấp đủ điện năng mua bán trong trường hợp không do lỗi của Bên bán điện. Trường hợp không có sự đồng ý bằng văn bản của Bên mua điện thì Bên bán điện không được bán điện cho bên thứ ba, hoặc sử dụng với các mục đích khác ngoài mục đích sản xuất điện năng để bán điện cho Bên mua điện.

Điều 3. Đầu nối, đo đếm

1. Trách nhiệm tại điểm giao nhận điện

Bên bán điện có trách nhiệm đầu tư, lắp đặt các trang thiết bị để truyền tải và giao điện cho Bên mua điện tại điểm giao nhận điện. Bên mua điện có trách nhiệm hợp tác với Bên bán điện thực hiện việc lắp đặt này.

2. Đầu nối

a) Bên bán điện có trách nhiệm đầu tư, xây dựng, vận hành và bảo dưỡng các thiết bị đầu nối để đầu nối nhà máy với lưới điện truyền tải, phân phối phù hợp với Quy định về lưới điện truyền tải, phân phối và các quy định khác có liên quan. Bên bán điện phải chịu chi phí lắp đặt hệ thống đo đếm tại trạm biến áp theo quy định tại Phụ lục A của Hợp đồng này.

b) Bên mua điện có quyền xem xét thiết kế, kiểm tra tính đầy đủ của thiết bị bảo vệ. Bên mua điện phải thông báo cho Bên bán điện kết quả thẩm định bằng văn bản trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày nhận được toàn bộ hồ sơ kỹ thuật liên quan đến thiết kế. Bên mua điện phải thông báo bằng văn bản tất cả các lỗi thiết kế được phát hiện. Bên bán điện phải thực hiện các sửa đổi bổ sung do Bên mua điện đề xuất phù hợp với Quy định về vận hành hệ thống điện quốc gia và các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật ngành điện.

3. Tiêu chuẩn đầu nối

Các thiết bị của Bên bán điện và của Bên mua điện phải được lắp đặt, vận hành và đầu nối theo quy định về vận hành hệ thống điện quốc gia và tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật ngành điện.

4. Kiểm tra việc thực hiện tiêu chuẩn đầu nối

Khi có thông báo trước theo quy định, mỗi bên có quyền kiểm tra thiết bị đầu nối của bên kia để đảm bảo việc thực hiện theo Quy định về vận hành hệ thống điện quốc gia. Việc kiểm tra này không được làm ảnh hưởng đến hoạt động của bên được kiểm tra. Trong trường hợp thiết bị của bên được kiểm tra không đáp ứng các điều kiện vận hành và bảo dưỡng, bên kiểm tra phải thông báo cho bên được kiểm tra những điểm cần hiệu chỉnh. Bên được kiểm tra có trách nhiệm thực hiện các biện pháp khắc phục cần thiết khi có yêu cầu hiệu chỉnh hợp lý từ bên kiểm tra.

5. Đo đếm

a) Vị trí đo đếm và yêu cầu kỹ thuật của các Hệ thống đo đếm được quy định tại Phụ lục C.

b) Bên bán điện có trách nhiệm đầu tư, lắp đặt, nghiệm thu, quản lý, vận hành, bảo dưỡng và kiểm định ban đầu, kiểm định định kỳ hàng năm thiết bị của Hệ thống đo đếm chính và Hệ thống đo đếm dự phòng phù hợp với quy định tại Thông tư số 42/2015/TT-BCT ngày 01/12/2015 và các quy định bổ sung thay thế hợp lệ. Hệ thống đo đếm phải đảm bảo tính pháp lý theo Luật đo lường số 04/2011/QH13 ngày 11/11/2011 và các quy định hướng dẫn, bổ sung, thay thế.

c) Kiểm định định kỳ thiết bị đo đếm được thực hiện theo chu kỳ thời gian: công tơ điện 01 (một) năm 01 (một) lần; máy biến dòng điện và máy biến điện áp đo lường 05 (năm) năm một lần. Việc kiểm tra, kiểm định thiết bị đo đếm hoặc xác nhận độ chính xác của thiết bị đo đếm phải do tổ chức được công nhận khả năng kiểm định phương tiện đo và được sự thống nhất của hai Bên thực hiện; phải tuân thủ theo các quy trình kiểm định thiết bị đo của nhà nước. Các thiết bị đo đếm phải được niêm phong, kẹp chì sau khi kiểm định. Chi phí kiểm định do Bên bán chi trả.

d) Trường hợp cần thiết, một bên có quyền yêu cầu kiểm tra bổ sung hoặc kiểm định bất thường thiết bị và hệ thống đo đếm. Nếu là yêu cầu của Bên bán điện phải trước ít nhất là 7 (bảy) ngày và nếu là yêu cầu của Bên mua điện phải trước ít nhất là 14 (mười bốn) ngày trước ngày yêu cầu và bên được yêu cầu phải có văn bản trả lời bên yêu cầu. Bên bán điện có trách nhiệm tổ chức kiểm tra, kiểm định khi nhận được yêu cầu của Bên mua điện. Nếu sai số của thiết bị đo đếm được kiểm tra, kiểm định bất thường lớn hơn giới hạn cho phép thì Bên bán phải trả chi phí cho việc kiểm tra, kiểm định bất thường; nếu sai số của thiết bị đo đếm được kiểm tra, kiểm định bất thường trong phạm vi giới hạn cho phép thì chi phí kiểm định do bên đề nghị thanh toán.

e) Bên bán điện có nghĩa vụ thông báo cho Bên mua điện kết quả kiểm định thiết bị đo đếm. Bên bán điện có nghĩa vụ thông báo trước cho Bên mua điện về việc kiểm tra, kiểm định hệ thống đo đếm. Bên mua điện có trách nhiệm cử người tham gia chứng kiến quá trình kiểm tra, kiểm định, dỡ niêm phong, niêm phong và kẹp chì công tơ.

Trường hợp thiết bị đo đếm có sai số lớn hơn mức cho phép, Bên bán điện có trách nhiệm hiệu chỉnh hoặc thay thế thiết bị đo đếm đó. Trường hợp một bên cho rằng thiết bị đo đếm bị hỏng hoặc không hoạt động thì bên đó phải thông báo ngay cho bên kia, Bên bán điện có nghĩa vụ kiểm tra, sửa chữa và thay thế. Việc kiểm tra, sửa chữa, thay thế phải được thực hiện trong thời gian ngắn nhất.

f) Sản lượng điện mua bán giữa Bên mua điện và Bên bán điện được xác định theo phương thức giao nhận điện năng và Hệ thống đo đếm chính tại Phụ lục C của Hợp đồng

g) Trường hợp Hệ thống đo đếm chính bị sự cố hoặc kết quả kiểm định cho thấy Hệ thống đo đếm chính có mức sai số cao hơn cấp chính xác quy định thì sản lượng điện năng mua bán giữa hai bên trong thời gian Hệ thống đo đếm chính bị sự cố hoặc có sai số vượt quá quy định được xác định theo nguyên tắc sau:

(i) Sử dụng kết quả đo đếm của Hệ thống đo đếm dự phòng để xác định sản lượng điện năng phục vụ thanh toán.

(ii) Trường hợp Hệ thống đo đếm dự phòng cũng bị sự cố hoặc kết quả kiểm định cho thấy Hệ thống đo đếm dự phòng có sai số vượt quá mức cho phép thì sản lượng điện năng phục vụ thanh toán được xác định như sau:

- Trường hợp Hệ thống đo đếm chính có hoạt động nhưng có mức sai số cao hơn cấp chính xác quy định thì sản lượng điện mua bán giữa hai bên được xác định bằng kết quả đo đếm của Hệ thống đo đếm chính được quy đổi về giá trị điện năng tương ứng với mức sai số bằng 0%.

- Trường hợp Hệ thống đo đếm chính bị sự cố không hoạt động, Hệ thống đo đếm dự phòng có hoạt động nhưng có mức sai số cao hơn cấp chính xác quy định thì sản lượng điện mua bán giữa hai bên được xác định bằng kết quả đo đếm của Hệ thống đo đếm dự phòng được quy đổi về giá trị điện năng tương ứng với mức sai số bằng 0%.

- Trường hợp Hệ thống đo đếm chính và Hệ thống đo đếm dự phòng bị sự cố không hoạt động, hai bên ước tính sản lượng điện giao nhận theo các số liệu trung bình tháng (nếu có) của Nhà máy điện trong cùng kỳ thanh toán của năm trước năm hợp đồng và phải được điều chỉnh hợp lý cho giai đoạn lập hóa đơn cụ thể theo các số liệu có sẵn tương ứng ảnh hưởng đến việc phát điện của Nhà máy điện như thông số về tốc độ gió, hệ số công suất, hiệu suất, số giờ vận hành, thời gian vận hành của Nhà máy điện và lượng điện tự dùng (gọi chung là “các Thông số vận hành”) trong thời gian các thiết bị đo đếm bị hỏng, trừ trường hợp hai bên có thỏa thuận khác bằng văn bản.

Khi không có các số liệu tin cậy, phải ước tính sản lượng điện giao nhận theo lượng điện năng trung bình tháng của Nhà máy điện của 6 (sáu) kỳ thanh toán ngay trước khi các thiết bị đo đếm hư hỏng (hoặc ít hơn nếu Nhà máy điện vận hành chưa được sáu tháng) và phải được điều chỉnh theo thời gian ngừng máy hoặc theo các Thông số vận hành, trừ trường hợp hai bên có thỏa thuận khác bằng văn bản.

(iii) Trên cơ sở kết quả đo đếm hiệu chỉnh được hai bên thống nhất, Bên bán điện có nghĩa vụ tính toán xác định khoản tiền mà một bên phải trả cho bên kia trong khoảng thời gian Hệ thống đo đếm không chính xác. Bao gồm khoản tiền thu thừa hoặc trả thiếu, tiền lãi của mức thu thừa hoặc trả thiếu tính theo lãi suất giao dịch bình quân liên ngân hàng và phí kiểm định đo đếm theo quy định tại điểm c, d khoản 5 Điều này.

(iv) Trường hợp thiết bị đo đếm bị cháy hoặc hư hỏng, Bên bán điện có nghĩa vụ thay thế hoặc sửa chữa trong thời gian ngắn nhất để các thiết bị đo đếm đảm bảo yêu cầu kỹ thuật và hoạt động trở lại bình thường. Các thiết bị được sửa chữa hoặc thay thế phải đảm bảo được tính pháp lý, yêu cầu kỹ thuật theo quy định trước khi đưa vào sử dụng.

6. Ghi chỉ số công tơ

Hàng tháng (hoặc theo chu kỳ ghi chỉ số do hai bên thỏa thuận), Bên mua điện và Bên bán điện cùng đọc và ghi chỉ số công tơ.

Sau khi đã thông báo theo quy định, Bên mua điện được vào nhà máy điện hoặc nơi lắp đặt thiết bị đo đếm để ghi chỉ số, kiểm tra công tơ và thực hiện các hoạt động khác liên quan đến việc thực hiện các nghĩa vụ của Hợp đồng này. Việc Bên mua điện vào nhà máy phải đảm bảo không ảnh hưởng đến hoạt động bình thường của Bên bán điện. Các nhân viên hoặc kiểm tra viên điện lực do Bên mua điện cử đến khi vào nhà máy điện phải tuân thủ các quy định về an toàn và nội quy của nhà máy điện.

7. Kiểm định thiết bị đo đếm

a) Việc kiểm tra, kiểm định thiết bị đo đếm hoặc xác nhận độ chính xác của thiết bị đo đếm phải thực hiện theo quy định về đo đếm điện do tổ chức có thẩm quyền hoặc được ủy quyền thực hiện. Việc kiểm định được tiến hành trước khi sử dụng thiết bị đo đếm lần đầu để ghi điện năng mua bán của nhà máy điện. Tất cả thiết bị đo đếm được niêm phong, kẹp chì và khóa lại sau khi kiểm định và Bên mua điện có quyền chứng kiến quá trình này.

b) Tất cả các thiết bị đo đếm điện năng mua bán của nhà máy điện phải được kiểm định theo chu kỳ do hai bên thỏa thuận và phù hợp với quy định về kiểm định thiết bị đo đếm điện năng do cơ quan có thẩm quyền ban hành, chi phí kiểm định do Bên bán điện chi trả. Trường hợp cần thiết, một bên có thể đề xuất kiểm định độ chính xác của bất cứ thiết bị đo đếm nào, chi phí kiểm định sẽ do bên đề xuất thanh toán. Kết quả kiểm định thiết bị đo đếm phải được thông báo cho bên kia biết khi được yêu cầu. Trường hợp thiết bị đo đếm có sai số lớn hơn mức cho phép trong các quy định về đo đếm, Bên bán điện chịu trách nhiệm hiệu chỉnh hoặc thay thế thiết bị đo đếm. Trường hợp Bên mua điện thanh toán thiếu tiền điện do sai số do thiết bị đo đếm, Bên mua điện sẽ thanh toán bù khoản tiền thiếu tính theo lãi suất giao dịch bình quân liên ngân hàng cho Bên bán điện. Trường hợp Bên mua điện thanh toán thừa tiền điện do sai số do thiết bị đo đếm, Bên bán điện hoàn trả khoản tiền thừa cho Bên mua điện cộng với tiền lãi của khoản tiền thừa tính theo lãi suất giao dịch bình quân liên ngân hàng và chi phí kiểm định thiết bị đo đếm điện. Mỗi bên được thông báo trước và có quyền cử người tham gia dỡ niêm phong, kiểm tra, kiểm định và niêm phong kẹp chì công tơ. Trường hợp một bên cho rằng công tơ bị hỏng hoặc không hoạt động thì bên đó phải thông báo ngay cho bên kia, bên có công tơ phải kiểm tra và sửa chữa.

8. Chuyển quyền sở hữu điện

Tại điểm giao nhận điện, quyền sở hữu điện được chuyển từ Bên bán điện sang Bên mua điện. Tại điểm này, Bên mua điện có quyền sở hữu, kiểm soát và chịu trách nhiệm về lượng điện đã nhận.

Điều 4. Vận hành nhà máy điện

Bên bán điện phải vận hành nhà máy điện phù hợp với Quy định về vận hành hệ thống điện quốc gia, Tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật ngành điện và các quy định khác có liên quan.

1. Kế hoạch vận hành

a) Trước hoặc vào ngày thực hiện Hợp đồng này, Bên bán điện cung cấp cho Bên mua điện biểu đồ khả năng phát điện trung bình năm tại thanh cái nhà máy theo từng tháng phù hợp với thiết kế cơ sở của nhà máy điện;

b) Trước ngày 30 tháng 11 hàng năm. Bên bán điện cung cấp cho Bên mua điện kế hoạch sản xuất điện năm sau, bao gồm:

- Kế hoạch vận hành các tháng trong năm (sản lượng điện và công suất khả dụng);

- Lịch bảo dưỡng sửa chữa nhà máy các tháng trong năm (nếu có).

c) Bên bán điện phải cung cấp thông tin về kế hoạch bảo dưỡng sửa chữa và kế hoạch huy động các tổ máy phát điện cho đơn vị điều độ hệ thống điện (theo cấp điều độ có quyền điều khiển) theo Quy định về vận hành hệ thống điện quốc gia.

2. Ngừng phát điện

Bên bán điện thông báo cho Bên mua điện dự kiến lịch ngừng phát điện và thời gian ngừng phát điện để sửa chữa theo kế hoạch và không theo kế hoạch theo quy định về vận hành hệ thống điện quốc gia.

3. Vận hành lưới điện

a) Bên bán điện có trách nhiệm quản lý, vận hành và bảo dưỡng các thiết bị điện lưới điện theo phạm vi quản lý tài sản xác định tại Thỏa thuận đấu nối với các đơn vị quản lý lưới điện, đảm bảo phù hợp với Quy định về vận hành hệ thống điện quốc gia; tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật ngành điện; và việc mua, bán điện năng theo Hợp đồng mua bán điện.

b) Bên bán điện phải trao đổi và thống nhất với đơn vị quản lý vận hành hệ thống điện quốc gia (theo cấp điều độ có quyền điều khiển) về kế hoạch huy động nguồn điện và giải pháp để giảm bớt ảnh hưởng tới truyền tải lưới điện khu vực do các ràng buộc liên quan tới phụ tải và lưới điện khu vực.

4. Gián đoạn trong hoạt động nhận và mua điện

Bên mua điện không phải thực hiện nghĩa vụ mua hoặc nhận điện trong các trường hợp sau đây:

a) Nhà máy điện của Bên bán điện vận hành, bảo dưỡng không phù hợp với Quy định về vận hành hệ thống điện quốc gia và tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật ngành điện;

b) Trong thời gian Bên mua điện lắp đặt thiết bị, sửa chữa, thay thế, kiểm định hoặc kiểm tra lưới điện có liên quan trực tiếp tới đấu nối của nhà máy điện của Bên bán điện, phù hợp với Quy định về vận hành hệ thống điện quốc gia, Quy chuẩn, Tiêu chuẩn kỹ thuật ngành điện;

c) Lưới điện truyền tải, phân phối khu vực có sự cố hoặc các thiết bị điện đấu nối trực tiếp với lưới điện truyền tải, phân phối khu vực có sự cố, chế độ vận hành vi phạm Quy định về vận hành Hệ thống điện quốc gia và tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật ngành điện.

d) Lưới điện của Bên mua điện cần hỗ trợ để phục hồi sau chế độ sự cố phù hợp với Quy định về vận hành hệ thống điện quốc gia và tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật ngành điện.

5. Gián đoạn trong hoạt động giao và bán điện

Bên bán điện có thể ngừng hoặc giảm lượng điện bán và giao cho Bên mua điện trong trường hợp lắp đặt thiết bị, sửa chữa, thay thế, kiểm định, kiểm tra hoặc thực hiện sửa chữa Nhà máy điện mà ảnh hưởng trực tiếp đến việc giao điện năng cho Bên mua điện.

Trước khi tiến hành ngừng hoặc giảm lượng điện giao cho Bên mua điện, Bên bán điện phải thông báo trước cho Bên mua điện ít nhất 10 (mười) ngày, trong thông báo phải nêu rõ lý do, dự tính thời gian bắt đầu và thời gian gián đoạn giao điện.

6. Phối hợp

Bên mua điện có trách nhiệm giảm thiểu thời gian giảm hoặc ngừng việc nhận điện trong các trường hợp tại Khoản 5 Điều này, phù hợp với Quy định về vận hành hệ thống điện quốc gia, quy trình xử lý sự cố trong hệ thống điện quốc gia và các Quy chuẩn, Tiêu chuẩn kỹ thuật ngành điện. Trừ trường hợp khẩn cấp, khi thực hiện tạm giảm hoặc ngừng việc nhận điện, Bên mua điện phải thông báo trước cho Bên bán điện ít nhất 10 (mười) ngày, nêu rõ lý do, thời điểm dự kiến bắt đầu và thời gian gián đoạn. Trong trường hợp cần thiết, Bên mua điện phải chuyển cho Bên bán điện các lệnh điều độ về vận hành nhận được từ đơn vị điều độ hệ thống điện liên quan đến vận hành nhà máy, phù hợp với Quy định về vận hành hệ thống điện quốc gia và các Quy chuẩn, Tiêu chuẩn kỹ thuật ngành điện và Bên bán điện phải tuân thủ các lệnh đó, trừ trường hợp các lệnh đó làm thay đổi đặc điểm phải huy động của nhà máy.

7. Hệ số công suất

Bên bán điện đồng ý vận hành nhà máy điện đồng bộ với lưới điện của Bên mua điện với hệ số công suất xác định theo quy định hiện hành về hệ thống điện phân phối và truyền tải tại điểm giao nhận cho Bên mua điện.

8. Vận hành đồng bộ

Bên bán điện có trách nhiệm thông báo cho Bên mua điện bằng văn bản ít nhất 30 (ba mươi) ngày trước khi hòa đồng bộ lần đầu tiên của Bên bán điện với lưới điện của Bên mua điện. Bên bán điện phải phối hợp vận hành với Bên mua điện tại lần hòa đồng bộ đầu tiên và các lần hòa đồng bộ sau.

9. Tiêu chuẩn

Bên bán điện và Bên mua điện phải tuân thủ các quy định có liên quan đến giao, nhận điện theo các Quy định về lưới điện phân phối, Quy định về đo đếm điện và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan đến ngành điện.

10. Công tác xác nhận ngày vận hành thương mại của Nhà máy điện

Trước 90 ngày trước ngày vận hành thương mại dự kiến theo quy định tại Hợp đồng này, Bên bán điện có trách nhiệm gửi Bên mua điện Dự thảo quy trình

chạy thử nghiệm thu của Nhà máy điện phù hợp với các Quy định hiện hành và các tiêu chuẩn kỹ thuật công nghệ của nhà máy điện gió để hai bên thống nhất xác định Ngày vận hành thương mại và tính toán sản lượng điện chạy thử nghiệm của Nhà máy điện.

11. Thay đổi ngày vận hành thương mại

Trong thời hạn từ 06 (sáu) tháng đến 12 (mười hai) tháng trước ngày vận hành thương mại dự kiến được ghi trong Phụ lục D, Bên bán điện phải xác nhận lại chính thức việc thay đổi ngày vận hành thương mại. Các bên phải có sự hợp tác trong việc thay đổi ngày vận hành thương mại và Bên mua điện không được từ chối yêu cầu thay đổi này nếu không có lý do chính đáng.

Điều 5. Lập hóa đơn và thanh toán

1. Lập hóa đơn

Hàng tháng (hoặc theo chu kỳ ghi chỉ số do hai bên thỏa thuận), Bên mua điện và Bên bán điện cùng đọc chỉ số công tơ vào ngày đã thống nhất để xác định lượng điện năng giao nhận trong tháng. Bên bán điện sẽ ghi chỉ số công tơ theo mẫu quy định có xác nhận của đại diện Bên mua điện và gửi kết quả ghi chỉ số công tơ cùng hóa đơn bằng văn bản (hoặc bằng fax, bằng bản sao gửi qua thư điện tử đồng thời có công văn gửi sau) cho Bên mua điện trong vòng 10 (mười) ngày làm việc sau khi đọc chỉ số công tơ.

2. Thanh toán

a) Hồ sơ thanh toán: Trước ngày mùng 5 (năm) hàng tháng, Bên bán điện gửi thông báo thanh toán tiền điện kèm theo hồ sơ thanh toán của tháng trước liền kề cho Bên mua điện.

b) Trong thời hạn năm (5) ngày làm việc kể từ khi nhận được Hồ sơ thanh toán của Bên bán điện, Bên mua điện phải kiểm tra Hồ sơ thanh toán và thông báo với Bên bán điện bằng văn bản nếu phát hiện sai sót. Sau thời hạn trên nếu Bên mua không có ý kiến coi như Hồ sơ thanh toán đã được chấp nhận.

c) Trong vòng ba (3) ngày làm việc kể từ ngày Hồ sơ thanh toán được chấp nhận, Bên bán điện phát hành và gửi hóa đơn thanh toán cho Bên mua điện. Hóa đơn thanh toán lập theo quy định của Bộ Tài chính.

d) Trong thời hạn hai mươi lăm (25) ngày làm việc kể từ ngày nhận được Hóa đơn thanh toán hợp lệ và chính xác của Bên bán điện, Bên mua điện có nghĩa vụ thanh toán cho Bên bán điện toàn bộ số tiền ghi trong hóa đơn thanh toán tiền điện bằng phương thức chuyển khoản.

e) Trường hợp Bên mua điện không thanh toán trong thời hạn nêu trên thì Bên mua điện có trách nhiệm trả lãi phạt chậm trả cho toàn bộ khoản tiền chậm trả. Lãi phạt chậm trả được tính tổng số tiền chậm trả nhân với (x) Lãi suất giao dịch bình quân liên ngân hàng chia (:) 365 ngày nhân với (x) số ngày chậm trả.

g) Trường hợp Bên mua điện không cùng đọc chỉ số công tơ theo quy định tại khoản 1 Điều này, Bên mua điện vẫn phải thực hiện nghĩa vụ thanh toán cho Bên bán điện lượng điện năng giao nhận theo quy định.

3. Ước tính lượng điện năng bán

Trường hợp không có đủ dữ liệu cần thiết để xác định lượng điện năng hoặc khoản thanh toán Bên mua điện nợ Bên bán điện, trừ các trường hợp nêu tại khoản 5 Điều này, Bên bán điện phải ước tính các dữ liệu đó và điều chỉnh khoản thanh toán đúng với thực tế trong các lần thanh toán tiếp theo.

4. Thứ tự áp dụng và thay thế chỉ số công tơ

Để xác định lượng điện năng Bên mua điện đã nhận và chấp nhận trong một kỳ thanh toán, việc ghi sản lượng điện, lập hóa đơn và thanh toán phải dựa trên các số liệu ước tính theo thứ tự sau:

a) Chỉ số công tơ chính tại nhà máy điện trong kỳ thanh toán, có cấp chính xác phù hợp với quy định tại khoản 5 Điều 3 của Hợp đồng này;

b) Chỉ số công tơ dự phòng tại nhà máy điện, khi công tơ dự phòng được sử dụng để đo đếm lượng điện năng giao nhận phải có cấp chính xác phù hợp với quy định tại khoản 8 Điều 3 của Hợp đồng này;

c) Khi tất cả các công tơ không ghi lại chính xác lượng điện năng giao nhận, phải ước tính sản lượng điện giao nhận theo các số liệu trung bình tháng (nếu có) của nhà máy điện trong cùng kỳ thanh toán của năm trước năm hợp đồng và phải được điều chỉnh hợp lý cho giai đoạn lập hóa đơn cụ thể theo các số liệu có sẵn tương ứng ảnh hưởng đến việc phát điện của nhà máy điện như thông số về điện gió, hiệu suất, số giờ vận hành, thời gian vận hành và lượng điện tự dùng (gọi chung là “các Thông số vận hành”) trong thời gian công tơ bị hỏng.

Khi không có các số liệu tin cậy, phải ước tính sản lượng điện giao nhận theo lượng điện năng trung bình tháng của nhà máy điện của 06 (sáu) kỳ thanh toán ngay trước khi công tơ hư hỏng (hoặc ít hơn nếu nhà máy điện vận hành chưa được sáu tháng) và phải được điều chỉnh theo thời gian ngừng máy hoặc theo các Thông số vận hành.

5. Tranh chấp hóa đơn

a) Trường hợp một bên không đồng ý với toàn bộ hoặc một phần của hóa đơn về sản lượng điện hoặc lượng tiền thanh toán thì có quyền thông báo bằng văn bản tới bên kia trước ngày đến hạn thanh toán. Sau khi có thông báo mà các bên không thỏa thuận giải quyết được thì thời hạn để một hoặc các bên đưa ra tranh chấp là 01 (một) năm tính từ ngày Bên mua điện nhận được hóa đơn hợp lệ.

b) Trường hợp việc giải quyết tranh chấp theo khoản 1 và khoản 2 Điều 8 của Hợp đồng này mà Bên bán điện đúng thì Bên mua điện phải thanh toán cho Bên bán điện khoản tiền tranh chấp cộng với phần lãi tính theo lãi suất giao dịch bình quân liên ngân hàng, ghép lãi hàng tháng từ ngày đến hạn thanh toán đến ngày thanh toán số tiền tranh chấp. Nếu Bên mua điện đúng thì Bên bán điện phải hoàn lại số tiền tranh chấp đã nhận trước đó cộng với phần lãi tính theo lãi suất giao dịch bình quân liên ngân hàng, ghép lãi hàng tháng từ ngày nhận được khoản thanh toán đến ngày thanh toán khoản tiền tranh chấp. Tất cả các thanh toán trong mục này phải được thực hiện trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày có quyết định giải quyết tranh chấp cuối cùng theo Điều 8 của Hợp đồng này.

Điều 6. Trường hợp bất khả kháng

1. Bất khả kháng

Sự kiện bất khả kháng là sự kiện xảy ra một cách khách quan không thể lường trước được và không thể khắc phục được mặc dù đã áp dụng mọi biện pháp cần thiết và khả năng cho phép. Các sự kiện bất khả kháng bao gồm nhưng không giới hạn:

- a) Thiên tai, hỏa hoạn, cháy nổ, lũ lụt, sóng thần, bệnh dịch hay động đất;
- b) Bạo động, nổi loạn, chiến sự, chống đối, phá hoại, cấm vận, bao vây, phong tỏa, bất cứ hành động chiến tranh nào hoặc hành động thù địch cộng đồng cho dù chiến tranh có được tuyên bố hay không.

2. Xử lý trong trường hợp bất khả kháng

Trong trường hợp có sự kiện bất khả kháng, bên vi phạm dẫn bất khả kháng phải:

- a) Nhanh chóng gửi thông báo bằng văn bản tới bên kia về sự kiện bất khả kháng, nêu rõ lý do, đưa ra những bằng chứng đầy đủ chứng minh về sự kiện bất khả kháng đó và đưa ra dự kiến về thời gian và tầm ảnh hưởng của sự kiện bất khả kháng tới khả năng thực hiện các nghĩa vụ của mình;
- b) Nỗ lực với tất cả khả năng của mình để thực hiện nghĩa vụ theo Hợp đồng;
- c) Nhanh chóng thực hiện các hành động cần thiết để khắc phục sự kiện bất khả kháng và cung cấp bằng chứng để chứng minh việc đã nỗ lực hợp lý để khắc phục sự kiện bất khả kháng;
- d) Thực hiện các biện pháp cần thiết để giảm thiểu tác hại tới các bên trong Hợp đồng;
- đ) Nhanh chóng thông báo tới các bên về sự chấm dứt của sự kiện bất khả kháng.

3. Hệ quả của sự kiện bất khả kháng

Trường hợp sau khi đã thực hiện tất cả các biện pháp quy định tại Khoản 2 Điều này, bên vi phạm sẽ được miễn phần trách nhiệm liên quan tới việc không thực hiện được nghĩa vụ theo Hợp đồng do sự kiện bất khả kháng gây ra, trừ trách nhiệm liên quan đến việc thanh toán các khoản tiền đến hạn thanh toán theo Hợp đồng này trước thời điểm xảy ra sự kiện bất khả kháng.

4. Thời hạn của sự kiện bất khả kháng

Trường hợp do sự kiện bất khả kháng mà một bên không thực hiện nghĩa vụ theo Hợp đồng này trong thời hạn 01 (một) năm, bên kia có quyền đơn phương chấm dứt Hợp đồng sau 60 (sáu mươi) ngày kể từ ngày thông báo bằng văn bản, trừ khi nghĩa vụ đó được thực hiện trong thời hạn 60 (sáu mươi) ngày này. Các Bên sẽ hợp với nhau và nỗ lực hợp lý để tìm ra và thống nhất các giải pháp hợp lý và phù hợp thông qua thương lượng trên tinh thần thiện chí.

Điều 7. Thời hạn hợp đồng

Trừ khi được gia hạn hoặc chấm dứt trước thời hạn hợp đồng theo các điều khoản của Hợp đồng, Hợp đồng này có hiệu lực kể từ ngày đại diện có thẩm quyền của các Bên ký chính thức và chấm dứt sau 20 (hai mươi) năm kể từ Ngày vận hành thương mại. Sau khi chấm dứt Hợp đồng, các nội dung của Hợp đồng này tiếp tục có hiệu lực trong một thời gian cần thiết để các bên thực hiện việc lập hóa đơn lần cuối, điều chỉnh hóa đơn, thanh toán, các quyền và nghĩa vụ trong Hợp đồng này.

Việc gia hạn thời hạn hợp đồng hoặc ký hợp đồng mới được thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 8. Vi phạm hợp đồng, bồi thường thiệt hại và chấm dứt thực hiện hợp đồng

1. Hành vi vi phạm hợp đồng của Bên bán điện

a) Bên bán điện không thực hiện được Ngày vận hành thương mại như quy định trong Phụ lục D trong thời hạn 03 (ba) tháng, trừ trường hợp bất khả kháng, trường hợp thay đổi ngày vận hành thương mại tại Khoản 11 Điều 4 của Hợp đồng này hoặc trường hợp được cơ quan có thẩm quyền cho phép giãn tiến độ đầu tư theo quy định hiện hành;

b) Bên bán điện không thực hiện hoặc tuân thủ các nội dung của Hợp đồng trong thời gian 60 (sáu mươi) ngày kể từ khi có thông báo bằng văn bản của Bên mua điện;

Trường hợp Bên bán điện đã cố gắng khắc phục hành vi vi phạm trong thời hạn 60 (sáu mươi) ngày trên nhưng việc khắc phục không thể hoàn thành trong thời hạn đó thì Bên bán điện được kéo dài thời hạn khắc phục tối đa là 01 (một) năm kể từ ngày có thông báo bằng văn bản về hành vi vi phạm của Bên bán điện, trừ trường hợp được cơ quan có thẩm quyền cho phép giãn tiến độ đầu tư theo quy định hiện hành. Bên bán điện phải tiếp tục hoàn thành khắc phục vi phạm trong thời gian ngắn nhất, trừ các trường hợp được nêu tại Điều 6 của Hợp đồng này;

c) Bên bán điện phủ nhận hiệu lực của một phần hoặc toàn bộ Hợp đồng;

d) Vi phạm các cam kết của Bên bán điện theo Điều 12 của Hợp đồng này.

2. Hành vi vi phạm hợp đồng của Bên mua điện

a) Bên mua điện không thực hiện hoặc tuân thủ các nội dung của Hợp đồng trong thời hạn 60 (sáu mươi) ngày kể từ khi có thông báo bằng văn bản của Bên bán điện;

Trường hợp Bên mua điện đã cố gắng khắc phục hợp lý hành vi vi phạm trong thời hạn 60 (sáu mươi) ngày nhưng việc khắc phục không thể hoàn thành trong thời hạn đó thì Bên mua điện được phép kéo dài thời hạn khắc phục tối đa là 01 (một) năm kể từ ngày có thông báo bằng văn bản về hành vi vi phạm của Bên mua điện. Bên mua điện phải tiếp tục hoàn thành khắc phục vi phạm trong thời gian ngắn nhất, trừ các trường hợp được nêu tại Điều 6 của Hợp đồng này;

b) Bên mua điện không thanh toán khoản tiền thanh toán không tranh chấp theo Hợp đồng khi đến hạn và việc không thanh toán này tiếp tục kéo dài hơn 90 (chín mươi) ngày mà không có lý do chính đáng;

c) Bên mua điện phủ nhận hiệu lực của một phần hoặc toàn bộ Hợp đồng;

d) Vi phạm nghiêm trọng các cam kết của Bên mua điện tại Điều 12 của Hợp đồng này.

3. Quy trình khắc phục và giải quyết vi phạm hợp đồng

Trường hợp có sự kiện vi phạm hợp đồng, bên bị vi phạm phải gửi thông báo bằng văn bản cho bên vi phạm. Bên vi phạm phải hợp tác để giải quyết sự kiện vi phạm hợp đồng;

4. Bồi thường thiệt hại

a) Bên có hành vi vi phạm hợp đồng có nghĩa vụ bồi thường thiệt hại do hành vi vi phạm gây ra cho bên bị vi phạm. Giá trị bồi thường bao gồm giá trị tổn thất thực tế, trực tiếp mà bên bị vi phạm phải chịu do bên vi phạm gây ra và khoản lợi trực tiếp mà bên bị vi phạm được hưởng nếu không có hành vi vi phạm;

b) Bên bị vi phạm phải chứng minh tổn thất, mức độ tổn thất do hành vi vi phạm gây ra và khoản lợi trực tiếp mà bên bị vi phạm đáng lẽ được hưởng nếu không có hành vi vi phạm.

5. Chấm dứt thực hiện hợp đồng

Trường hợp sự kiện vi phạm hợp đồng không giải quyết được theo Khoản 3 Điều này, bên bị vi phạm có thể tiếp tục yêu cầu bên vi phạm khắc phục vi phạm hoặc có thể chấm dứt thực hiện hợp đồng bằng cách gửi thông báo đến bên vi phạm. Sau khi bên bị vi phạm lựa chọn chấm dứt thực hiện hợp đồng theo điều kiện của Hợp đồng này, các bên không phải thực hiện nghĩa vụ hợp đồng, trừ các trường hợp được nêu trong Điều 7 và bên bị vi phạm có quyền yêu cầu bên vi phạm bồi thường thiệt hại. Giá trị bồi thường được xác định như tại Khoản 4 Điều 8 này.

Điều 9. Giải quyết tranh chấp

1. Giải quyết tranh chấp bằng thương lượng

Trường hợp có tranh chấp xảy ra giữa các bên trong Hợp đồng này, thì bên đưa ra tranh chấp phải thông báo cho bên kia bằng văn bản về nội dung tranh chấp và các yêu cầu trong thời hiệu quy định. Các bên sẽ thương lượng giải quyết tranh chấp trong vòng 60 (sáu mươi) ngày kể từ ngày nhận được thông báo của bên đưa ra tranh chấp. Việc giải quyết tranh chấp liên quan đến thanh toán tiền điện được thực hiện trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày có thông báo của bên yêu cầu.

Trường hợp không thể thống nhất được theo quy định trên, các bên có quyền gửi văn bản đề nghị Cục Điện lực và Năng lượng tái tạo hỗ trợ các bên giải quyết vướng mắc.

Cơ chế giải quyết tranh chấp này không áp dụng với những tranh chấp không phát sinh trực tiếp từ Hợp đồng này giữa một bên trong Hợp đồng với các bên thứ ba.

2. Giải quyết tranh chấp theo quy định của pháp luật

Trường hợp tranh chấp không thể giải quyết bằng biện pháp thương lượng theo quy định tại Khoản 1 Điều này hoặc một trong các bên không tuân thủ kết quả đàm phán thì một hoặc các bên có thể yêu cầu giải quyết tranh chấp theo quy định tại Thông tư số 40/2010/TT-BCT ngày 13 tháng 12 năm 2010 của Bộ Công Thương quy định về trình tự, thủ tục giải quyết tranh chấp trên thị trường điện lực hoặc quy định của pháp luật có liên quan.

Điều 10. Ủy thác, chuyển nhượng và tái cơ cấu

1. Ủy thác và chuyển nhượng

Trong trường hợp một bên trong Hợp đồng này thực hiện ủy thác hoặc chuyển nhượng hoặc bị phong tỏa tài sản đối với quyền và nghĩa vụ hợp đồng, việc thực hiện quy định về quyền và nghĩa vụ trong Hợp đồng tiếp tục có hiệu lực đối với đại diện theo pháp luật, đại diện theo ủy quyền của các bên.

Trong trường hợp Bên bán điện chuyển nhượng hoặc ủy thác việc thực hiện Hợp đồng phải được sự chấp thuận bằng văn bản của Bên mua điện. Nếu phần ủy thác của Bên bán điện có giá trị xấp xỉ giá trị các thiết bị có thể vận hành, giá trị xây dựng, giá trị đất thì đó là việc ủy thác hợp lệ theo Hợp đồng này.

Bên ủy thác hay chuyển nhượng phải thông báo ngay bằng văn bản tới bên kia về việc ủy thác hay chuyển nhượng.

2. Tái cơ cấu

Trong trường hợp tái cơ cấu ngành điện ảnh hưởng tới các quyền hoặc nghĩa vụ của Bên bán điện hoặc Bên mua điện trong Hợp đồng này, thì việc thực hiện Hợp đồng sẽ được chuyển sang cho các đơn vị tiếp nhận. Bên mua điện có trách nhiệm xác nhận và bảo đảm bằng văn bản về việc các đơn vị tiếp nhận thực hiện nghĩa vụ mua điện hoặc phân phối điện và các quyền lợi và nghĩa vụ khác theo Hợp đồng này.

3. Lựa chọn tham gia thị trường điện

Bên bán điện có quyền lựa chọn tham gia thị trường điện phù hợp với các quy định về thị trường điện cạnh tranh. Trong trường hợp này, Bên bán điện phải thông báo bằng văn bản trước 120 (một trăm hai mươi) ngày cho Bên mua điện, Cục Điều tiết điện lực và được đơn phương chấm dứt Hợp đồng sau khi đã hoàn thành nghĩa vụ thông báo theo quy định.

Điều 11. Các thỏa thuận khác

1. Sửa đổi Hợp đồng

Các bên không tự ý sửa đổi, bổ sung Hợp đồng này trừ trường hợp có thỏa thuận bằng văn bản. Việc sửa đổi, bổ sung Hợp đồng này được thực hiện theo quy định của Thông tư số/2019/TT-BCT ngày tháng.... năm 2019 của Bộ

Công Thương quy định về phát triển dự án và Hợp đồng mua bán điện mẫu áp dụng cho các dự án điện gió.

2. Trách nhiệm hợp tác

Bên bán điện có nghĩa vụ thực hiện các thủ tục pháp lý liên quan tới nhà máy điện. Bên mua điện có trách nhiệm hợp tác với Bên bán điện để cung cấp các tài liệu, văn bản, dữ liệu có liên quan để Bên mua điện thực hiện thủ tục nhận giấy phép, sự phê chuẩn, sự cho phép và phê duyệt cần thiết từ các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền về địa điểm nhà máy, đầu tư, truyền dẫn hoặc bán điện năng, sở hữu và vận hành nhà máy điện và thực hiện các hoạt động cần thiết hợp lý khác để thực hiện thỏa thuận của các bên.

3. Luật áp dụng

Việc giải thích và thực hiện Hợp đồng này được thực hiện theo quy định của pháp luật Việt Nam.

4. Không thực hiện quyền

Không thực hiện quyền của mình theo Hợp đồng này tại bất kì thời điểm nào sẽ không làm ảnh hưởng việc thực thi các quyền theo Hợp đồng về sau. Các bên đồng ý rằng việc tuyên bố không thực hiện quyền của một bên đối với bất kỳ cam kết hoặc điều kiện nào theo Hợp đồng, hoặc bất kỳ sự vi phạm hợp đồng, sẽ không được xem như là bên đó từ bỏ quyền tương tự về sau.

5. Tính độc lập của các nội dung hợp đồng

Trường hợp có nội dung nào trong Hợp đồng này được cho là không phù hợp với quy định của pháp luật hoặc vô hiệu theo phán quyết của tòa án, thì các nội dung khác của Hợp đồng vẫn có hiệu lực, nếu phần còn lại thể hiện đầy đủ nội dung mà không cần tới phần bị vô hiệu.

6. Thông báo

Bất kỳ thông báo, hóa đơn hoặc các trao đổi thông tin khác cần thiết trong quá trình thực hiện Hợp đồng này phải nêu rõ ngày lập và sự liên quan đến Hợp đồng. Các thông báo, hóa đơn hoặc trao đổi thông tin phải được lập bằng văn bản và được chuyển bằng các dịch vụ bưu điện hoặc fax. Trường hợp gửi bằng fax thì phải gửi bản gốc đến sau bằng dịch vụ bưu điện với bưu phí đã được trả trước. Thông báo, hóa đơn hoặc các trao đổi thông tin phải được gửi tới các địa chỉ sau:

a) Bên bán điện:

Tổng giám đốc, _____, _____, Việt Nam

b) Bên mua điện: _____, _____, Việt Nam

c) Trong các thông báo các bên có thể nêu rõ địa chỉ người gửi hoặc người nhận khác theo hình thức quy định tại Khoản này.

d) Mỗi thông báo, hóa đơn hoặc các loại trao đổi thông tin khác được gửi bằng thư, giao nhận và truyền tin theo các cách trên được xem là đã được giao và nhận tại thời điểm chúng được giao tới địa chỉ người nhận hoặc tại thời điểm bị từ chối nhận bởi bên nhận với địa chỉ nêu trên.

7. Bảo mật

Bên mua điện đồng ý bảo mật các thông tin của nhà máy trong phụ lục Hợp đồng, trừ trường hợp các thông tin này đã được Bên bán điện hoặc cơ quan nhà nước có thẩm quyền công bố trước đó.

8. Hợp đồng hoàn chỉnh

Hợp đồng này là thỏa thuận hoàn chỉnh cuối cùng giữa các bên tham gia và thay thế các nội dung đã thảo luận, thông tin, thư tín trao đổi trước khi ký kết liên quan tới Hợp đồng này.

Điều 12. Cam kết thực hiện

Hai bên cam kết thực hiện Hợp đồng này như sau:

1. Mỗi bên được thành lập hợp pháp để hoạt động kinh doanh tại Việt Nam.
2. Việc ký kết và thực hiện Hợp đồng này của mỗi bên được thực hiện đúng theo điều kiện và nội dung của Giấy phép hoạt động điện lực do cơ quan có thẩm quyền cấp và các quy định của pháp luật có liên quan.
3. Các bên không có hành vi pháp lý hoặc hành chính ngăn cản hoặc làm ảnh hưởng bên kia thực hiện Hợp đồng này.
4. Việc ký kết và thực hiện của một bên trong Hợp đồng này không vi phạm với bất kỳ điều khoản nào của Hợp đồng khác hoặc là một phần văn bản của một Hợp đồng khác mà bên đó là một bên tham gia.

Hợp đồng này được lập thành 12 (mười hai) bản có Phụ lục kèm theo có giá trị như nhau là một phần không thể tách rời của Hợp đồng này, mỗi bên giữ 05 (năm) bản, Bên mua điện có trách nhiệm gửi 01 (một) bản Hợp đồng mua bán điện tới Cục Điện lực và Năng lượng tái tạo và 01 (một) bản tới Cục Điều tiết điện lực.

ĐẠI DIỆN BÊN BÁN ĐIỆN

(Chức danh)

(Đóng dấu và chữ ký)

(Họ tên đầy đủ)

ĐẠI DIỆN BÊN MUA ĐIỆN

(Chức danh)

(Đóng dấu và chữ ký)

(Họ tên đầy đủ)

PHỤ LỤC A**THỎA THUẬN ĐẦU NỐI HỆ THỐNG**

(Được áp dụng riêng lẻ cho từng dự án phụ thuộc vào đặc điểm kỹ thuật của dự án, bao gồm sơ đồ một sợi của thiết bị đầu nối, liệt kê đặc điểm của hệ thống đo đếm, điện áp và các yêu cầu đầu nối)

PHỤ LỤC B**THÔNG SỐ KỸ THUẬT CỦA NHÀ MÁY ĐIỆN**

Phần A. Các thông số chung

1. Tên nhà máy điện:

.....

2. Địa điểm nhà máy điện:

.....

3. Công suất định mức:

.....

4. Công suất bán cho Bên mua điện: tối thiểukW; tối đa

.....

5. Công suất tự dùng của nhà máy điện: tối thiểukW; tối đa

.....

6. Điện năng sản xuất hàng năm dự kiến:

.....kWh

7. Ngày hoàn thành xây dựng nhà máy điện:

.....

8. Ngày vận hành thương mại dự kiến của nhà máy điện:

.....

9. Điện áp phát lên lưới phân phối:

.....V

10. Điểm đầu nối vào lưới phân phối:

.....

11. Điểm đặt thiết bị đo đếm:

.....

Phần B. Thông số vận hành của công nghệ cụ thể

1. Công nghệ phát điện:

.....

2. Đặc tính vận hành thiết kế:

.....

PHỤ LỤC C

HỆ THỐNG ĐO ĐÉM VÀ THU THẬP SỐ LIỆU

PHỤ LỤC D

YÊU CẦU TRƯỚC NGÀY VẬN HÀNH THƯƠNG MẠI

(Cam kết ngày vận hành thương mại, thỏa thuận các thủ tục thực hiện các thử nghiệm ban đầu và đưa nhà máy vào vận hành thương mại....)

PHỤ LỤC E

TIỀN ĐIỆN THANH TOÁN

¹¹(*được bãi bỏ*)

PHỤ LỤC G

CÁC THỎA THUẬN KHÁC

¹¹ Nội dung này được bãi bỏ theo quy định tại điểm b khoản 5 Điều 1 của Thông tư số 01/2023/TT-BCT bãi bỏ một số quy định tại Thông tư số 02/2019/TT-BCT ngày 15 tháng 01 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định thực hiện phát triển dự án điện gió và Hợp đồng mua bán điện mẫu cho các dự án điện gió và Thông tư số 18/2020/TT-BCT ngày 17 tháng 7 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về phát triển dự án và hợp đồng mua bán điện mẫu áp dụng cho các dự án điện mặt trời, có hiệu lực kể từ ngày 19 tháng 01 năm 2023.